

I. Trắc nghiệm (7,0 điểm)

Câu 1 (NB). Một trong những biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế là

- A. các dòng hàng hóa – dịch vụ, vốn ngày càng được tự do di chuyển.
- B. các giao dịch quốc tế về thương mại, đầu tư, tài chính bị thu hẹp.
- C. thương mại nội vùng giữa các quốc gia trong cùng khu vực tăng.
- D. gia tăng số lượng và quy mô các tổ chức khu vực trên thế giới.

Câu 2 (NB). Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực thường có những nét tương đồng về

- A. Thành phần chủng tộc
- B. Mục tiêu và lợi ích phát triển
- C. Lịch sử dựng nước, giữ nước
- D. Trình độ văn hóa, giáo dục

Câu 3 (NB). Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương được viết tắt là

- A. APEC.
- B. IMF.
- C. WTO.
- D. ASEAN.

Câu 4 (NB). Phía Tây khu vực Mỹ La Tinh tiếp giáp với đại dương nào?

- A. Đại Tây Dương.
- B. Thái Bình Dương.
- C. Nam Đại Dương
- D. Ấn Độ Dương.

Câu 5 (NB). Số lượng thành viên của tổ chức EU hiện nay là

- A. 24
- B. 25
- C. 23
- D. 27

Câu 6 (NB). Cơ quan quyền lực cao nhất của EU là

- A. Hội đồng Châu Âu.
- B. Hội đồng bộ trưởng EU.
- C. Ủy ban liên minh Châu Âu.
- D. Nghị viện Châu Âu.

Câu 7 (NB). Mục tiêu của EU khi thành lập được thể hiện qua hiệp ước nào?

- A. Ma – xtrích.
- B. Li – xbon.
- C. Pa – ri.
- D. Am – xtéc – đam.

Câu 8 (NB). Tháng 1/2020, quốc gia đã rời khỏi EU là

- A. Pháp.
- B. Thụy Sĩ.
- C. Hà Lan.
- D. Anh.

Câu 9 (TH). Đặc điểm nào sau đây đúng khi nói về EU?

- A. Là liên kết khu vực có nhiều quốc gia nhất trên thế giới.
- B. Là liên kết khu vực chi phối toàn bộ nền kinh tế thế giới.
- C. Là lãnh thổ có sự phát triển đồng đều giữa các vùng.
- D. Là tổ chức thương mại không phụ thuộc vào bên ngoài.

Câu 10 (TH). Việc sử dụng đồng tiền chung (ơ-rô) trong EU có tác động

- A. nâng cao sức cạnh tranh của thị trường chung châu Âu.
- B. làm tăng rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ và luân chuyển vốn.
- C. làm cho việc chuyển giao vốn trong EU trở nên khó khăn hơn.
- D. công tác kế toán của các doanh nghiệp đa quốc gia trở nên phức tạp.

Câu 11 (NB). Đặc trưng nền nông nghiệp của các nước Đông Nam Á là

A. nhiệt đới B. cận nhiệt. C. lúa nước. D. ôn đới.

Câu 12 (NB). Cơ cấu kinh tế của hầu hết các nước trong khu vực Đông Nam Á đang chuyển dịch theo hướng

A. công nghiệp hóa, hiện đại hóa. B. liên kết, liên doanh với nước ngoài.
C. xây dựng kinh tế thị trường. D. phát triển nền kinh tế tri thức.

Câu 13 (TH). Thách thức lớn nhất mà tổ chức ASEAN đang phải đối mặt giải quyết là

A. tình trạng bất ổn ở một số quốc gia thành viên do vấn đề tôn giáo.
B. trình độ phát triển còn rất chênh lệch giữa các quốc gia thành viên.
C. sự bất đồng quan điểm giữa các thành viên cũ và mới hiện nay.
D. sự tương đồng về văn hóa, xã hội giữa các quốc gia thành viên.

Câu 14 (TH). Vị trí địa lí đã tạo điều kiện cho hầu hết các nước Đông Nam Á có lợi thế để phát triển ngành

A. công nghiệp. B. nông nghiệp. C. kinh tế biển. D. du lịch – dịch vụ.

Câu 15 (TH). Các nước Đông Nam Á có nhiều loại khoáng sản vì

A. Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa. B. Có nhiều kiểu, dạng địa hình, khí hậu.
C. Nằm trong vành đai sinh khoáng. D. Nằm kề sát vành đai lửa Thái Bình Dương.

Câu 16 (TH). Phong tục tập quán, sinh hoạt văn hóa của người dân có nhiều nét tương đồng là một trong những điều kiện thuận lợi để các nước Đông Nam Á

A. hợp tác cùng phát triển. B. phát triển du lịch.
C. ổn định chính trị. D. hội nhập kinh tế.

Câu 17 (NB). Quốc gia có quy mô GDP lớn nhất khu vực Tây Nam Á hiện nay là

A. A- rập Xê – út. B. Ca – ta. C. Cô – oét. D. Ô – man.

Câu 18 (NB). Trong thế kỉ XX, nhiều quốc gia Tây Nam Á chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng

A. sản xuất nông nghiệp và hàng thủ công. B. phát triển công nghiệp dầu khí.
C. phát triển nền kinh tế tri thức. D. công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Câu 19 (NB). Các nước có nền kinh tế phát triển ở Tây Nam Á, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng

A. chuyên môn hóa. B. đa canh. C. công nghệ cao. D. liên kết.

Câu 20 (NB). Ngành công nghiệp và dịch vụ hiện nay ở khu vực Tây Nam Á đóng góp vào cơ cấu GDP hơn

A. 60%. B. 70%. C. 80%. D. 90%.

Câu 21 (TH). Tình trạng đói nghèo ở khu vực Tây Nam Á và Trung Á chủ yếu là do

A. Thiếu hụt nguồn lao động B. Chiến tranh, xung đột tôn giáo
C. Sự khắc nghiệt của tự nhiên D. Thiên tai xảy ra thường xuyên

Câu 22 (TH). Ý nào biểu hiện rõ nhất vị trí chiến lược của khu vực Tây Nam Á?

A. Giáp với nhiều biển và đại dương. B. Nằm ở ngã ba của ba châu lục.
C. Có đường chí tuyến chạy qua. D. Nằm ở khu vực khí hậu nhiệt đới.

Câu 23 (NB). Ngoài phần đất ở trung tâm Bắc Mỹ có diện tích hơn 8 triệu km², Hoa Kỳ còn bao gồm

- A. Bán đảo A-la-xca và quần đảo Ha-oai
- B. Quần đảo Ha-oai và quần đảo Ăng-ti Lớn.
- C. Quần đảo Ăng-ti Lớn và quần đảo Ăng-ti Nhỏ
- D. Quần đảo Ăng-ti Nhỏ và bán đảo A-la-xca.

Câu 24 (NB). Vùng phía Tây Hoa Kỳ chủ yếu có khí hậu

- A. Cận nhiệt đới và hoang mạc.
- B. Cận nhiệt đới và bán hoang mạc
- C. Cận nhiệt đới và ôn đới hải dương
- D. Hoang mạc và bán hoang mạc

Câu 25 (TH). Ngành công nghiệp luyện kim đen của Hoa Kỳ phân bố chủ yếu ở

- A. vùng ven biển phía Tây
- B. vùng Đông Bắc
- C. vùng ven vịnh Mêhicô
- D. vùng phía Nam

Câu 26 (TH). Lợi ích to lớn do người nhập cư mang đến cho Hoa Kỳ là

- A. Nguồn lao động có trình độ cao
- B. Nguồn đầu tư vốn lớn
- C. Làm phong phú thêm nền văn hóa
- D. Làm đa dạng về chủng tộc

Câu 27 (TH). Ý nào sau đây **không đúng** về thuận lợi chủ yếu để phát triển kinh tế của Hoa Kỳ?

- A. Tài nguyên thiên nhiên giàu có.
- B. Nguồn lao động kỹ thuật dồi dào.
- C. Nền kinh tế không bị chiến tranh tàn phá.
- D. Phát triển từ một nước tư bản lâu đời.

Câu 28 (TH). Phát biểu nào sau đây đúng với ngành công nghiệp của Hoa Kỳ?

- A. Tỷ trọng giá trị sản lượng công nghiệp trong GDP cao và tăng nhanh.
- B. Công nghiệp khai khoáng chiếm hầu hết giá trị hàng hóa xuất khẩu.
- C. Công nghiệp tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu trong nền kinh tế.
- D. Các trung tâm công nghiệp lớn tập trung ở ven Thái Bình Dương.

II. Tự luận (3,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT KHÁCH DU LỊCH QUỐC TẾ VÀ DOANH THU DU LỊCH Ở KHU VỰC ĐÔNG NAM Á GIAI ĐOẠN 2005 – 2019

Năm	2005	2010	2015	2019
Số lượt khách du lịch đến (Triệu lượt người)	49.3	70.4	104.2	138.5
Doanh thu du lịch (Tỷ USD)	33.8	68.5	108.5	147.6

(Nguồn: Tổ chức du lịch thế giới, 2022)

a) Nhận xét về tình hình du lịch của khu vực Đông Nam Á từ bảng số liệu trên?

b) Giải thích về sự phát triển hoạt động du lịch ở khu vực Đông Nam Á?

Câu 2 (1,0 điểm).

Chứng minh nhận định sau: Công nghiệp khai thác dầu khí là ngành kinh tế có ảnh hưởng lớn đến kinh tế, xã hội, chính trị ở khu vực Tây Nam Á?

===== HẾT =====

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HK1
MÔN ĐỊA LÍ LỚP 11

I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (7,0 ĐIỂM)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	A	B	D	A	A	D
Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	A	A	A	A	B	C	C	A
Câu	17	18	19	20	21	22	23	24
Đáp án	A	B	C	C	B	B	A	D
Câu	25	26	27	28				
Đáp án	B	A	D	C				

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1 (2,0 điểm)	a	<i>Nhận xét về tình hình du lịch của khu vực Đông Nam Á từ bảng số liệu trên?</i>	1,0
		- Số lượt khách du lịch đến tăng nhanh và liên tục (DC) - Doanh thu du lịch tăng nhanh và liên tục (DC) <i>(Thí sinh không dẫn chứng số liệu chỉ cho ½ tổng điểm)</i>	
	b	<i>Giải thích về sự phát triển hoạt động du lịch ở khu vực Đông Nam Á?</i>	1,0
		- Giàu tài nguyên du lịch, có nhiều điểm du lịch đẹp. - Cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ du lịch ngày càng hoàn thiện. - Nhu cầu du lịch tăng do kinh tế phát triển, chất lượng cs.... - Tình hình chính trị, an ninh khu vực tương đối ổn định.	
2 (1,0 điểm)		<i>Chứng minh nhận định sau: Công nghiệp khai thác dầu khí là ngành kinh tế có ảnh hưởng lớn đến kinh tế, xã hội, chính trị ở khu vực Tây Nam Á?</i>	1,0
		- Ảnh hưởng kinh tế: Đóng góp vào quy mô GDP của một số nước, tạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh (DC) - Ảnh hưởng đến xã hội, chính trị: Là nơi các cường quốc cạnh tranh ảnh hưởng, gây sức ép lên vấn đề dầu mỏ => tình hình chính trị bất ổn định, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn... (DC) <i>(- Thí sinh không dẫn chứng số liệu chỉ cho ½ tổng điểm)</i> - HS có thể trình bày thêm các vấn đề thời sự khác khuyến khích cho điểm nếu chưa đạt điểm tối đa)	